



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence – Freedom - Happiness

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BGI  
BGI GROUP JOINT STOCK COMPANY

Số/ No.: 116/TB-HĐQT

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2026  
Hanoi, day 10 month 6 year 2026

## THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ CHANGE IN PERSONNEL

(Mẫu áp dụng cho các trường hợp bổ nhiệm và/hoặc miễn nhiệm/từ nhiệm)  
(Applied to cases of appointment and/or dismissal/resignation)

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;  
To: Vietnam Exchange;  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.  
Hanoi Stock Exchange.

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 số 12/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 9/6/2026 của Công ty cổ phần Tập đoàn BGI, Biên bản họp Hội đồng quản trị về bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và Biên bản họp Ban kiểm soát về bầu Trưởng Ban kiểm soát, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty cổ phần Tập đoàn BGI như sau:

Based on the Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders No. 12/2026/NQ-DHDCD dated 9/6/2026 of BGI Group Joint Stock Company, the Minutes of the Board of Directors Meeting on the election of the Chairman of the Board of Directors, and the Minutes of the Supervisory Board Meeting on the election of the Head of the Supervisory Board, we would like to formally announce the changes in personnel of BGI Group Joint Stock Company as follows:

### A. Trường hợp bổ nhiệm/ In case of appointment:

#### I. Trường hợp bổ nhiệm/ In case of appointment:

##### 1. Ông (bà)/Mr./Ms.: Bùi Minh Tiến/ Bui Minh Tien.

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/ Former position in the organization: Trưởng Phòng TT&KSNB Công ty cổ phần Tập đoàn BGI/ Head of Internal Communication & Control Department – BGI Group Joint Stock Company.

- Chức vụ được bổ nhiệm/ Newly appointed position: Thành viên Ban kiểm soát/ Member of the Supervisory Board.

- Thời hạn bổ nhiệm/ Term: Theo nhiệm kỳ 2026-2031/ For the 2026-2031 term.

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ Effective date: 09/06/2026.

##### 2. Ông (bà)/Mr./Ms.: Phạm Như Hải/ Pham Nhu Hai

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/ Former position in the organization: Không/ No.

- Chức vụ được bổ nhiệm/ Newly appointed position: Thành viên Ban kiểm soát/ Member of the Supervisory Board.

- Thời hạn bổ nhiệm/ Term: Theo nhiệm kỳ 2026-2031/ For the 2026-2031 term.

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ Effective date: 09/06/2026.

#### II. Trường hợp bổ nhiệm lại (nhiệm kỳ 2026-2031)/ In case of re-appointment (for the 2026-2031 term):

##### 1. Ông (bà)/Mr./Ms.: Hoàng Trọng Đức/ Hoang Trong Duc.

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/ Former position in the organization: Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Chairman of the Board of Directors.



- Chức vụ được bổ nhiệm/ *Newly appointed position*: Chủ tịch Hội đồng quản trị/  
*Chairman of the Board of Directors*.

- Thời hạn bổ nhiệm/ *Term*: Theo nhiệm kỳ 2026-2031/ *For the 2026-2031 term*.

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ *Effective date*: 09/06/2026.

**2. Ông (bà)/Mr./Ms.: Hoàng Anh Tú/ Hoang Anh Tu.**

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/ *Former position in the organization*: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc/ *Member of the Board of Directors, Deputy General Director*.

- Chức vụ được bổ nhiệm/ *Newly appointed position*: Thành viên Hội đồng quản trị/  
*Member of the Board of Directors*.

- Thời hạn bổ nhiệm/ *Term*: Theo nhiệm kỳ 2026-2031/ *For the 2026-2031 term*.

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ *Effective date*: 09/06/2026.

**3. Ông (bà)/Mr./Ms.: Phí Mạnh Hậu/ Phi Manh Hau.**

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/ *Former position in the organization*: Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Hành chính nhân sự pháp chế/ *Member of the Board of Directors, Head of Administration Human Resources and Legal Department*.

- Chức vụ được bổ nhiệm/ *Newly appointed position*: Thành viên Hội đồng quản trị/  
*Member of the Board of Directors*.

- Thời hạn bổ nhiệm/ *Term*: Theo nhiệm kỳ 2026-2031/ *For the 2026-2031 term*.

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ *Effective date*: 09/06/2026.

**4. Ông (bà)/Mr./Ms.: Nguyễn Ngọc Minh/ Nguyen Ngoc Minh.**

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/ *Former position in the organization*: Thành viên độc lập HĐQT/ *Independent Member of the Board of Directors*.

- Chức vụ được bổ nhiệm/ *Newly appointed position*: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị/  
*Independent Member of the Board of Directors*.

- Thời hạn bổ nhiệm/ *Term*: Theo nhiệm kỳ 2026-2031/ *For the 2026-2031 term*.

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ *Effective date*: 09/06/2026.

**5. Ông (bà)/Mr./Ms.: Nguyễn Doãn Dũng/ Nguyen Doan Dung.**

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/ *Former position in the organization*: Trưởng Ban kiểm soát/  
*Head of the Supervisory Board*.

- Chức vụ được bổ nhiệm/ *Newly appointed position*: Trưởng Ban kiểm soát/ *Head of the Supervisory Board*.

- Thời hạn bổ nhiệm/ *Term*: Theo nhiệm kỳ 2026-2031/ *For the 2026-2031 term*.

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ *Effective date*: 09/06/2026.

**B. Trường hợp miễn nhiệm/từ nhiệm/ *In case of dismissal/resignation*:**

**1. Ông (bà)/Mr./Ms.: Bùi Việt Anh/ Bui Viet Anh.**

- Chức vụ trước khi miễn nhiệm/ *Former position in the organization*: Thành viên Hội đồng quản trị/ *Member of the Board of Directors*.

- Không còn đảm nhiệm chức vụ/ *Dismissed/Resigned position*: Thành viên Hội đồng quản trị/  
*Member of the Board of Directors*.

- Chức vụ còn nắm giữ: Sau khi miễn nhiệm, Ông Bùi Việt Anh không còn là người nội bộ của Công ty.

*Positions still held: After resignation, Mr. Bui Viet Anh is no longer an internal person of the Company.*

- Lý do miễn nhiệm (nếu có)/*Reason (if any)*: Hết nhiệm kỳ/ *End of term*.

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ *Effective date*: 09/06/2026.

**2. Ông (bà)/Mr./Ms.: Nguyễn Hùng Cường/ Nguyen Hung Cuong.**

- Chức vụ trước khi miễn nhiệm/ *Former position in the organization*: Thành viên Ban kiểm soát/  
*Member of the Supervisory Board*.

- Không còn đảm nhiệm chức vụ/ *Dismissed/Resigned position*: Thành viên Ban kiểm soát/  
*Member of the Supervisory Board*.

- Chức vụ còn nắm giữ: Sau khi miễn nhiệm, Ông Nguyễn Hùng Cường không còn là người nội bộ của Công ty.



*Positions still held: After resignation, Mr. Nguyen Hung Cuong is no longer an internal person of the Company.*

- Lý do miễn nhiệm (nếu có)/Reason (if any): Hết nhiệm kỳ/ End of term.

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ Effective date: 09/06/2026.

**3. Ông (bà)/Mr./Ms.: Nguyễn Thế Đồng/ Nguyen The Dong.**

- Chức vụ trước khi miễn nhiệm/ Former position in the organization: Thành viên Ban kiểm soát/ Member of the Supervisory Board.

- Không còn đảm nhiệm chức vụ/ Dismissed/Resigned position: Thành viên Ban kiểm soát/ Member of the Supervisory Board.

- Chức vụ còn nắm giữ: Sau khi miễn nhiệm, Ông Nguyễn Thế Đồng không còn là người nội bộ của Công ty.

*Positions still held: After resignation, Mr. Nguyen The Dong is no longer an internal person of the Company.*

- Lý do miễn nhiệm (nếu có)/ Reason (if any): Hết nhiệm kỳ/ End of term.

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ Effective date: 09/06/2026.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 10/6/2026 tại đường dẫn: [www.bgi.vn](http://www.bgi.vn).

*This information was published on the company's website on 10/6/2026, as in the link [www.bgi.vn](http://www.bgi.vn).*

**\* Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 13/2026/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 9/6/2026.  
*Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 13/2026/NQ-DHDCD, dated 9/6/2026.*

- Bản cung cấp thông tin theo mẫu Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

*Information Disclosure Form as Appendix III issued with Circular No.96/2020/TT-BTC.*

**Đại diện tổ chức**

**Organization Representative**

Người đại diện theo pháp luật

Legal representative

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position and seal)



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoàng Trọng Đức



**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Independence - Freedom - Happiness**

Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2026  
Hanoi, June 09, 2026

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN  
INFORMATION DISCLOSURE SHEET**

**Kính gửi (To): - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
State Securities Commission;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.  
Hanoi Stock Exchange.**

1/ Họ và tên /Full name: **BÙI MINH TIẾN/ BUI MINH TIEN**

2/ Giới tính/Sex: Nam/Male.

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 12/07/1978

4/ Nơi sinh/Place of birth:

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.):

Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Place of issue.:

6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam/ Vietnam.

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh/ Respectfully.

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence:

9/ Số điện/Telephone number:

10/ Địa chỉ email/Email:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN/ BGI BGI GROUP JOINT STOCK COMPANY.**

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: **Thành viên Ban kiểm soát/ Member of the Supervisory Board.**

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies: **Không có/ None.**

14/ Số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó/ Number of shares held: 0 shares, accounting for 0% of charter capital, in which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): 0 cổ phần/0 shares.

+ Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual: 0 cổ phần/0 shares.

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other owning commitments (if any):

16/ Danh sách người có liên quan của người khai\* /List of affiliated persons of declarant: **Kê khai theo danh sách đính kèm/ Declared according to the attached list.**

\* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019/Related person(s) as prescribed in Clause 46, Article 4 of the Law on Securities dated November 26, 2019.



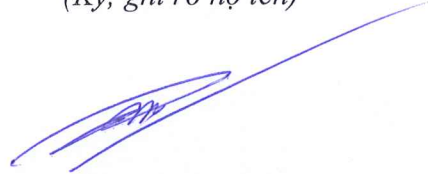
17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any): Không có/ None.*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any): Không có/ None.*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /  
DECLARANT**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*



**BÙI MINH TIẾN**

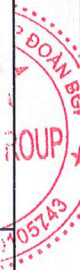


**DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN/ LIST OF RELATED PERSONS**  
**(Kèm theo Bản cung cấp thông tin của cá nhân ông Bùi Minh Tiến/**  
**Enclosed with the Personal Information Provision Form of Mr. Bui Minh Tien)**

(Người có liên quan bao gồm/ Related persons include:

- 1) Doanh nghiệp mà cá nhân giữ một trong các chức vụ: Thành viên HĐQT/BKS, thành viên HĐQT, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính; Enterprises in which the individual holds one of the following positions: Member of the Board of Directors / Supervisory Board, Member of the Members' Council, Director, Deputy Director, Chief Financial Officer;
- 2) Doanh nghiệp mà cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó; Enterprises in which the individual owns more than 10% of the voting shares or charter capital of such enterprise;
- 3) Bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân) Biological father, biological mother, adoptive father, adoptive mother, father-in-law, mother-in-law, mother-in-law, biological child, adoptive child, daughter-in-law, son-in-law, biological brother, biological sister, brother-in-law, sister-in-law of the individual)

Stt / No.	Mã CK / Stock Code	Tên tổ chức/cá nhân / Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ / Relationship with the company/internal person	Loại hình Giấy NSH (*) / (CMND/Passport/ Giấy ĐKKD) / Type of ID Document / Card/ Passport/ Business Registration Certificate	Số Giấy NSH (*) / Document Number (*)	Ngày cấp / Date of issue	Nơi cấp / Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ / Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Percentage of share ownership at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người liên quan của công ty/ nội bộ / Time of starting to be a related person of the company/ internal person	Thời điểm không còn là người liên quan của công ty/ người nội bộ / Time of ceasing to be a related person of the company/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) / Reason for amendment(s) of the change(s) (regarding items 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và chủ khác)/ Notes (regarding the absence of the NSH document number and other notes)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	VC7	Bùi Minh Tiến/ Bui Minh Tien			Người nội bộ/ Insider	CCCC/ID Card							09/6/2026			
2		Bùi Văn Thảo/ Bui Van Thao			Bố đẻ / Biological Father	CCCC/ID Card							09/6/2026			
3		Nguyễn Thị An/ Nguyen Thi An			Mẹ đẻ / Biological Mother	CCCC/ID Card							09/6/2026			
4		Trinh Thị Phương Hoa/ Trinh Thi Phuong Hoa			Vợ/ Wife	CCCC/ID Card							09/6/2026			
5		Bùi Gia Báo/ Bui Gia Bao			Con trai/ Son	CCCC/ID Card							09/6/2026			
6		Bùi Đức Đàm/ Bui Duc Dam			Con trai/ Son	CC/ ID Card							09/6/2026			
7		Bùi Ngọc Dũng/ Bui Ngoc Dung			Em trai/ Younger Brother	CCCC/ID Card							09/6/2026			
8		Nguyễn Thị Huế/ Nguyen Thi Hue			Em dâu/ Sister-in-law	CCCC/ID Card							09/6/2026			
9		Bùi Thị Thanh Thủy/ Bui Thi Thanh Thuy			Em gái / Younger Sister	CCCC/ID Card							09/6/2026			



10	Phùng Ngọc Hùng Cường /Phùng Ngọc Hùng Cường			Em rể / Brother-in-law	CCCC/ID Card						09/6/2026		
11	Trịnh Minh Đạo/Trịnh Minh Đạo			Bố vợ / Father-in-law	CCCC/ID Card						09/6/2026		
12	Nguyễn Thị Nguyệt/ Nguyễn Thị Nguyệt			Mẹ vợ/ Mother-in-law	CCCC/ID Card						09/6/2026		



**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Independence - Freedom - Happiness**

*Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2026  
Hanoi, June 09, 2026*

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN  
INFORMATION DISCLOSURE SHEET**

**Kính gửi (To):** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
State Securities Commission;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.  
Hanoi Stock Exchange.

1/ Họ và tên /Full name: **PHẠM NHƯ HẢI/ PHAM NHU HAI**

2/ Giới tính/Sex: Nam/Male.

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 05/07/1981

4/ Nơi sinh/Place of birth:

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.):

Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Place of issue:

6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam/ Vietnam.

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh/ Respectfully.

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence:

9/ Số điện/Telephone number:

10/ Địa chỉ email/Email:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN/ BGI BGI GROUP JOINT STOCK COMPANY.**

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: **Thành viên Ban kiểm soát/ Member of the Supervisory Board.**

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies: **Không có/ None.**

14/ Số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó/ Number of shares held: 0 shares, accounting for 0% of charter capital, in which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/ Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): 0 cổ phần/0 shares.

+ Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual: 0 cổ phần/0 shares.

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other owning commitments (if any):

16/ Danh sách người có liên quan của người khai\* /List of affiliated persons of declarant: **Kê khai theo danh sách đính kèm/ Declared according to the attached list.**

\* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019/Related person(s) as prescribed in Clause 46, Article 4 of the Law on Securities dated November 26, 2019.

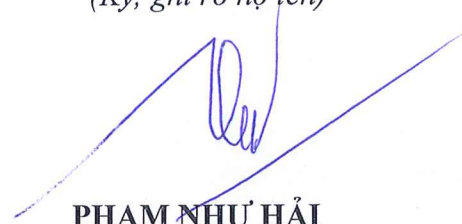


17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any): Không có/ None.*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any): Không có/ None.*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /  
DECLARANT**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**PHẠM NHƯ HẢI**



**DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN/ LIST OF RELATED PERSONS**  
**(Kèm theo Bản cung cấp thông tin của cá nhân ông Phạm Như Hải/**  
**Enclosed with the Personal Information Provision Form of Mr. Phạm Như Hải)**

(Người có liên quan bao gồm/ Related persons include:

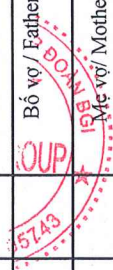
1) Doanh nghiệp mà cá nhân giữ một trong các chức vụ: Thành viên HĐQT/BKS, thành viên HĐQT; Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính;

Enterprises in which the individual holds one of the following positions: Member of the Board of Directors / Supervisory Board, Member of the Members' Council, Director, Deputy Director, Chief Financial Officer;

2) Doanh nghiệp mà cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó, Enterprises in which the individual owns more than 10% of the voting shares or charter capital of such enterprise.

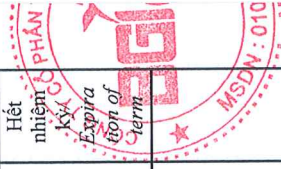
3) Bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân/ Biological father, biological mother, adoptive father, adoptive mother, biological sister, biological brother, biological sister, brother-in-law, sister-in-law of the individual)

Stt /No.	Mã CK/Stock Code	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relationship with the company/internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD) Type of ID Document (*) (ID Card/Passport/Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*) Document Number (*)	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time of starting to be a related person of the company/internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time of ceasing to be a related person of the company/internal person	Lý do phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reason for amendment(s) /Reason for change(s)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác/Notes (regarding the absence of the NSH document number and other notes)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	VC7	Phạm Như Hải/Phạm Như Hải			Người nội bộ/ Insider	CCCC/ID Card							09/6/2026			
2		Phạm Như Bình/Phạm Như Bình			Bố đẻ / Biological Father	CCCC/ID Card							09/6/2026			
3		Nguyễn Thị Đông/Nguyễn Thị Đông			Mẹ đẻ / Biological Mother	CCCC/ID Card							09/6/2026			
4		Đình Thị Lua/Đình Thị Lua			Vợ/ Wife	CCCC/ID Card							09/6/2026			
5		Phạm Tuấn Đức/Phạm Tuấn Đức			Con trai/ Son	CCCC/ID Card							09/6/2026			
6		Phạm Tuấn Tài/Phạm Tuấn Tài			Con trai/ Son	CC/ID Card							09/6/2026			
7		Phạm Như Dương/Phạm Như Dương			Anh trai/ Older brother	CCCC/ID Card							09/6/2026			
8		Nguyễn Thị Lệ/Nguyễn Thị Lệ			Chị dâu/ Sister-in-law	CCCC/ID Card							09/6/2026			
9		Phạm Như Nam/Phạm Như Nam			Em trai/ Younger Brother	CCCC/ID Card							09/6/2026			
10		Nguyễn Thị Tuyết/Nguyễn Thị Tuyết			Em dâu/ Sister-in-law - in-law	CCCC/ID Card							09/6/2026			
11		Đình Công Kiên/Đình Công Kiên			Bố vợ / Father-in-law	CCCC/ID Card							09/6/2026			
12		Bùi Thị Len/Bùi Thị Len			Mẹ vợ/ Mother-in-law	CCCC/ID Card							09/6/2026			



**DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN/ LIST OF RELATED PERSONS**  
**Của ông Bùi Việt Anh/ Of Mr. Bui Viet Anh**

Stt No	Mã CK Stock Code	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of ID Document (*) (ID Card/ Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*) ID Document Number (*)	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share owner ship at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of starting to be a related person of the company/internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ceasing to be a related person of the company/internal person	Lý do Reason
1	VC7	Bùi Việt Anh/ Bui Viet Anh			Người nội bộ/ Insider	CCCD/ Citizen Identity Card							09/4/2019	09/6/2026	Hết nhiệm kỳ Expire End of term
2		Công ty cổ phần xây dựng BGI/ BGI Construction Joint Stock Company			Là Công ty con/Ông Bùi Việt Anh làm Thành viên HĐQT/ Viet Anh serves as a Member of the BOD	Giấy ĐKKD/ Enterprise Registration Certificate							17/8/2020	09/6/2026	
3		Bùi Hải Sâm/ Bui Hai Sam			Anh ruột/ Brother	CCCD/ Citizen Identity Card							09/4/2019	20/10/2025	Đã mất/ Deceased
4		Bùi Duy Lâm/ Bui Duy Lam			Anh ruột/ Brother	CCCD/ Citizen Identity Card							09/4/2019	09/6/2026	
5		Nguyễn Thị Thu Hiền/ Nguyen Thi Thu Hien			Chị dâu/ Sister-in-law	CCCD/ Citizen Identity Card							09/4/2019	09/6/2026	
6		Bùi Thúy Quỳnh/ Bui Thuy Quynh			Chị ruột/ Sister	CCCD/ Citizen Identity Card							09/4/2019	09/6/2026	
7		Trần Quốc Hùng/ Tran Quoc Hung			Anh rể/ Brother-in-law	CCCD/ Citizen Identity Card							09/4/2019	09/6/2026	



8	Bùi Hải Phong/ <i>Bui Hai Phong</i>																	09/4/2019	09/6/2026
9	Ngô Lan Hương/ <i>Ngô Lan Huong</i>																	09/4/2019	09/6/2026
10	Bùi Mai Phương/ <i>Bui Mai Phuong</i>																	09/4/2019	09/6/2026
11	Bùi Công Minh/ <i>Bui Cong Minh</i>																	09/4/2019	09/6/2026
12	Ngô Đình Hiền/ <i>Ngô Dinh Hien</i>																	09/4/2019	09/6/2026
13	Nghiêm Thị Lý/ <i>Nghiem Thi Ly</i>																	09/4/2019	09/6/2026




**DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN/ LIST OF RELATED PERSONS**  
**Của ông Nguyễn Hùng Cường/ Of Mr. Nguyen Hung Cuong**



Stt No.	Mã CK Stock Code	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relationship with the company/internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of ID Document (*)(ID Card/ Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*) ID Document Number (*)	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu phiếu cuối kỳ Percentage of share owner ship at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of starting to be a related person of the company/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ceasing to be a related person of the company/ internal person	Lý do Reason
1	VC7	Nguyễn Hùng Cường/ Nguyen Hung Cuong			Người nội bộ/ Internal person	Căn cước/ ID Card							19/3/2021	09/6/2026	Hết nhiệm kỳ/ End of term
2		Nguyễn Xuân Hiền/ Nguyen Xuan Hien			Anh ruột/ Older brother	CCCD/ Citizen Identity Card							19/3/2021	09/6/2026	
3		Phạm Thị Vân/ Pham Thi Van			Chị dâu/ Sister-in-law	CCCD/ Citizen Identity Card							19/3/2021	09/6/2026	
4		Nguyễn Thị Hào/ Nguyen Thi Hao			Chị ruột/ Older sister	CCCD/ Citizen Identity Card							19/3/2021	09/6/2026	
5		Đinh Trọng Huân/ Dinh Trong Huan			Anh rể/ Brother-in-law	CCCD/ Citizen Identity Card							19/3/2021	09/6/2026	
6		Nguyễn Thị Văn/ Nguyen Thi Van			Chị ruột/ Older sister	CCCD/ Citizen Identity Card							19/3/2021	09/6/2026	
7		Nguyễn Hữu Chung/ Nguyen Huu Chung			Anh rể/ Brother-in-law	CCCD/ Citizen Identity Card							19/3/2021	09/6/2026	
8		Nguyễn Thị Minh/ Nguyen Thi Minh			Chị ruột/ Older sister	CCCD/ Citizen Identity Card							19/3/2021	09/6/2026	
9		Ngô Đình Thân/ Ngo Dinh Than			Anh rể/ Brother-in-law	CCCD/ Citizen Identity Card							19/3/2021	09/6/2026	

10	Nguyễn Thị Hằng/ Nguyễn Thị Hằng																		19/3/2021	09/6/2026	
11	Nguyễn Duy Khai/ Nguyễn Duy Khai																		19/3/2021	09/6/2026	
12	Vũ Văn Lộc/ Vu Van Loc																		19/3/2021	09/6/2026	
13	Vũ Thị Sinh/ Thi Sinh																		19/3/2021	09/6/2026	
14	Nguyễn Phúc Bảo/ Nguyễn Phúc Bảo																		19/3/2021	09/6/2026	
15	Nguyễn Thúy Hạnh/ Nguyễn Thúy Hạnh																		19/3/2021	09/6/2026	Còn nhỏ/ Underage

**DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN/ LIST OF RELATED PERSONS**  
**Của ông Nguyễn Thế Đông/ Of Mr. Nguyen The Dong**

Stt No	Mã CK Stoc Cod e	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securit ies trading account t (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Positi on at the compa ny (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/intern al person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of ID Document (*) (ID Card/ Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*) ID Docume nt Number (*)	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Numb er of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of share ownersh ip at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of starting to be a related person of the company/i nternal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ceasing to be a related person of the company/i nternal person	Lý do Reason
1	VC7	Nguyễn Thế Đông/ Nguyễn Th Dong			Người nội bộ/ Internal person	CCCD/ Citizen Identity Card							25/6/2024	09/6/2026	Hết nhiệm kỳ/ End of term
2		Nguyễn Đăng Sáu/Nguyen Dang Sau			Bố đẻ/ Father								25/6/2024	09/6/2026	Đã mất/ Deceased
3		Mai Thị Hải/ Mai Thị Hải			Mẹ đẻ/ Mother	CCCD/ Citizen Identity Card							25/6/2024	09/6/2026	 Còn nhỏ/ Underage
4		Nguyễn Ngân Khánh/ Nguyen Ngan Khanh			Con đẻ/ Biological child								25/6/2024	09/6/2026	Còn nhỏ/ Underage
5		Nguyễn Bách Tùng Lâm/ Nguyen Bach Tung Lam			Con đẻ/ Biological child								25/6/2024	09/6/2026	Còn nhỏ/ Underage
6		Nguyễn Võ Trí Nhân/ Nguyen Vo Tri Nhan			Con đẻ/ Biological child								25/6/2024	09/6/2026	Còn nhỏ/ Underage
7		Nguyễn Quốc Triệu/ Nguyen Quoc Trieu			Anh ruột/ Older brother	CCCD/ Citizen Identity Card							25/6/2024	09/6/2026	
8		Bùi Thị Sơn/ Bùi Thị Sơn			Chị dâu/ Sister- in-law	CCCD/ Citizen Identity Card							25/6/2024	09/6/2026	